

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: /QĐ-YDC ngày 07 tháng 11 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Y – Dược Việt Nam)

Tên ngành : Y học cổ truyền
Mã ngành : 6720102
Trình độ đào tạo : Cao đẳng
Hình thức đào tạo : Chính quy
Đối tượng tuyển sinh : Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
Thời gian đào tạo : 3 năm (06 học kỳ)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Y học cổ truyền trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề khám chữa bệnh ở trình độ cao đẳng, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đào tạo người y học cổ truyền có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản để làm nhiệm vụ quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân chủ yếu bằng thuốc nam, châm cứu xoa bóp và các phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc tại tuyến y tế cơ sở; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh; có đủ sức khỏe; có trình độ tiếng Anh tương đương bậc 2 khung năng lực châu Âu, có khả năng tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học y học trong bảo vệ và chăm sóc khỏe nhân dân, không ngừng học tập để nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Mục tiêu chuẩn đầu ra

CDR 1. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học y sinh, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại và y học chứng cứ trong thực hành chăm sóc các vấn đề sức khỏe thường gặp.

CDR 2. Ứng dụng các nguyên tắc y tế công cộng trong thực hành chăm sóc các vấn đề sức khỏe thường gặp bằng Y học cổ truyền kết hợp với Y học hiện đại.

CDR 3. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học về một vấn đề trong thực hành chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

CDR 4. Ứng dụng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và qui định pháp luật để giải thích các tình huống trong thực hành chăm sóc sức khỏe ban đầu.

CDR 5. Ứng dụng kỹ năng thu thập, tổng hợp và đánh giá thông tin lâm sàng và cận lâm sàng để chẩn đoán các vấn đề sức khỏe thường gặp theo y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.

CDR 6. Lập kế hoạch chăm sóc, quản lý các vấn đề sức khỏe thường gặp theo nguyên lý y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại.

CDR 7. Xử trí bước đầu các vấn đề sức khỏe thường gặp bằng phương pháp y học cổ truyền, y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại an toàn, hợp lý theo quy định của Bộ Y Tế.

CDR 8. Xây dựng nội dung chăm sóc các vấn đề sức khỏe thường gặp bằng y học cổ truyền kết hợp với y học hiện đại để tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

CDR 9: Trình độ Ngoại ngữ: có trình độ có trình độ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên.

CDR 10: Trình độ Tin học: có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

1.2.2. Về kiến thức

- Giải thích được cấu trúc giải phẫu, chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ phận trên cơ thể người;

- Đánh giá được sự tác động của virus, vi khuẩn, ký sinh trùng, các tác nhân vật lý, tác nhân hóa học, vai trò của di truyền lên cơ thể;

- Phát hiện được những trường hợp cấp cứu thường gặp tại tuyến y tế cơ sở;

- Hiểu được công dụng của các loại dược liệu thường dùng, một số bài thuốc y học cổ truyền;

- Mô tả được các phương pháp bào chế cơ bản của dược liệu y học cổ truyền;

- Mô tả được hệ thống kinh lạc, xác định đúng vị trí và trình bày được tác dụng của các huyệt thường dùng, giải thích các nguyên tắc chọn huyệt trong điều trị;

- Giải thích được kỹ thuật châm, điện châm, kỹ thuật cứu và các thủ thuật bổ tả;

- Mô tả được các động tác xoa bóp tác động lên da, cơ, xương khớp và huyết. Giải thích tác dụng, chỉ định, chống chỉ định của xoa bóp để áp dụng phù hợp trong điều trị và phòng bệnh;

- Giải thích được các nguyên tắc, phương pháp, tác dụng, chỉ định và chống chỉ định của dưỡng sinh. Mô tả được các động tác dưỡng sinh cơ bản;

- Trình bày và giải thích được các bước thăm khám, chẩn đoán, nguyên tắc điều trị, tiên lượng và dự phòng một số bệnh thường gặp theo y học cổ truyền;

- Phát hiện được các triệu chứng y học cổ truyền thường gặp trên lâm sàng;

- Trình bày được các nguyên tắc đạo đức liên quan đến chăm sóc sức khỏe và trách nhiệm pháp lý của nghề y;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.3. Về kỹ năng

- Giao tiếp hiệu quả với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cộng đồng, các đồng nghiệp trong đội ngũ y tế và trong sinh hoạt khoa học;
- Sử dụng thành thạo các thuật ngữ chuyên môn của ngành y học cổ truyền trong giao tiếp với đồng nghiệp; phản biện và sử dụng các giải pháp thay thế;
- Lập được kế hoạch tư vấn, chăm sóc sức khỏe ban đầu và giáo dục sức khỏe cộng đồng;
- Thực hiện được các phương pháp khám bệnh, đưa ra pháp trị phù hợp, làm được hồ sơ bệnh án y học cổ truyền một cách tự tin, đầy đủ;
- Thực hiện thành thạo các quy trình kỹ thuật châm, điện châm, cứu, giác hơi trong điều trị một số bệnh thông thường;
- Thực hiện được kỹ thuật bào chế các loại dược liệu thông thường;
- Thực hiện thành thạo các động tác dưỡng sinh cơ bản, lựa chọn động tác và hướng dẫn được cho từng bệnh nhân cụ thể để phòng và trị bệnh;
- Thực hiện thành thạo các động tác xoa bóp, bấm huyệt để phòng và điều trị bệnh;
- Chỉ định đúng bài thuốc và gia giảm các vị thuốc hợp lý để điều trị một số bệnh thông thường;
- Thu thập, đánh giá, lưu trữ, sử dụng có chọn lọc các nguồn thông tin cho mục đích tự học, phát triển chuyên môn;
- Truyền đạt hiệu quả các thông tin, ý tưởng, giải pháp cho các đồng nghiệp, hướng dẫn được cho sinh viên thực tập các kiến thức và kỹ năng về chuyên môn;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

1.2.4. Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát các nhân viên trong nhóm, trong tổ hoặc các sinh viên thực tập thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn xác định;
- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên;
- Đánh giá đúng chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Chủ động hoàn thành tốt các nhiệm vụ thường xuyên và nhiệm vụ đột xuất;

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực y học cổ truyền và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế;

- Chủ động xin ý kiến cấp trên trong trường hợp vượt quá khả năng của mình;
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn hiệu quả;
- Thận trọng, tỉ mỉ, chính xác, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Khám và kê đơn thuốc y học cổ truyền;
- Bốc thuốc y học cổ truyền;
- Châm cứu;
- Xoa bóp - bấm huyệt;
- Hướng dẫn tập dưỡng sinh;
- Bào chế dược liệu;
- Kinh doanh thuốc y học cổ truyền;
- Thực hành chuyên môn y học cổ truyền trạm y tế phường (xã);
- Thực hành chuyên môn phòng chẩn trị y học cổ truyền.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

Khối lượng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Y học cổ truyền trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- | | |
|---|---------------------------|
| - Số lượng môn học/mô đun | : 45 môn học/Mô đun |
| - Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa | : 110 Tín chỉ (3.030 giờ) |
| - Khối lượng các môn học chung/đại cương | : 435 giờ |
| - Khối lượng các môn học chuyên môn | : 2595 giờ |

- Khối lượng lý thuyết : 945 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm : 1963 giờ
- Giờ kiểm tra : 122 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/Mô đun	Tổng		Thời gian học tập (giờ)		
		Số tín chỉ	Số tiết	Trong đó		
				LT	TH	Kiểm tra
I	Các môn học chung/đại cương	19	435	157	255	23
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh cơ sở)	4	120	42	72	6
MH06	Tin học	3	75	15	58	2
II	Các môn học chuyên ngành					
II.1	Môn học cơ sở	21	405	242	143	20
MĐ 01	Tiếng Anh chuyên ngành	2	45	43	0	2
MĐ 02	Vi sinh – ký sinh	2	45	14	29	2
MĐ 03	Sinh lý bệnh miễn dịch	2	45	14	29	2
MĐ 04	Hóa sinh	2	45	14	29	2
MĐ 05	Giải phẫu sinh lý	3	60	29	28	3
MĐ 06	Dược lý	3	45	43	0	2
MĐ 07	Kỹ thuật điều dưỡng	3	60	29	28	3
MH 07	Tâm lý người bệnh- Y đức	2	30	28	0	2
MH 08	Giao tiếp- Giáo dục SK trong thực hành y khoa	2	30	28	0	2
II.2	Môn học chuyên môn ngành	64	2100	516	1509	75
MH 09	Lý luận cơ bản y học cổ truyền	2	30	28	0	2
MĐ 08	Bệnh học Y học hiện đại	3	45	43	0	2
MĐ 09	Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	2	45	15	28	2
MH 10	Lao và bệnh phổi	2	30	28	0	2
MH 11	Truyền nhiễm	2	30	28	0	2
MĐ 10	Nội bệnh lý y học cổ truyền	3	60	29	28	3

MĐ 11	Thực hành lâm sàng nội bệnh lý y học cổ truyền	1	60	0	55	5
MĐ 12	Ngoại bệnh lý y học cổ truyền	3	60	29	28	3
MĐ 13	Thực hành lâm sàng ngoại bệnh lý y học cổ truyền	1	60	0	55	5
MĐ 14	Nhi khoa y học cổ truyền	3	45	43	0	2
MĐ 15	Thực hành lâm sàng nhi khoa y học cổ truyền	1	60	0	55	5
MĐ 16	Sản phụ khoa y học cổ truyền	3	45	43	0	2
MĐ 17	Thực hành lâm sàng sản phụ khoa y học cổ truyền	1	60	0	55	5
MĐ 18	Da liễu y học cổ truyền	3	45	43	0	2
MĐ 19	Thực hành lâm sàng da liễu y học cổ truyền	1	60	0	55	5
MĐ 20	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	2	30	28	0	2
MĐ 21	Chế biến dược liệu và thực vật dược	3	60	29	28	3
MĐ 22	Châm cứu học	3	60	29	28	3
MĐ 23	Bệnh học lão khoa y học cổ truyền	3	60	29	28	3
MĐ 24	Bệnh học ngũ quan	3	60	29	28	3
MĐ 25	Xoa bóp, bấm huyệt, dưỡng sinh	2	45	15	28	2
MĐ 26	Thực tập lâm sàng y học cổ truyền	3	180	0	180	0
MĐ 27	Thực tập lâm sàng y học hiện đại	2	120	0	120	0
MĐ 28	Thực tập lâm sàng châm cứu	2	120	0	120	0
MĐ 29	Thực tập lâm sàng cộng đồng	2	120	0	120	0
MĐ 30	Chương trình và tổ chức y tế	2	30	28	0	2
MH 12	Thực tập Lâm sàng nghề nghiệp	3	180	0	170	10
MH 13	Khóa luận tốt nghiệp/Học môn thay thế	5	300	0	300	0
II.3	Mô đun/môn học tự chọn (Chọn 2/4 môn học/mô đun)	4	90	30	56	4
MĐ 31	Dịch tễ học	2	45	15	28	2

MĐ 32	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp	2	45	15	28	2
MĐ 33	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	45	15	28	2
MĐ 34	Vật lý – lý sinh	2	45	14	29	2
TỔNG CỘNG		110	3030	945	1963	122

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn sử dụng các môn học chung

Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, bố trí cho sinh viên tham quan, thực tập tay nghề tại các đơn vị hoạt động trong ngành/nghề, lĩnh vực có liên quan.

Để mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội, tăng cường thể chất, bố trí cho học sinh tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, các hoạt động xã hội khác...

Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Sau giờ học: từ 17h đến 19h hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Tham gia câu lạc bộ văn nghệ của Nhà trường	Ngoài giờ học: từ 18h đến 20h (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Tổ chức các buổi giao lưu trong tháng thanh niên, tháng thi đua học tập
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi năm 1 lần

4.3 Hướng dẫn tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun, học phần:

Thời gian tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, học phần được xác định và có hướng cụ thể theo từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ và khối lượng của chương trình đào tạo theo đúng quy định của Quy chế đào tạo theo thông tư số 04/2022/TT- BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định.

- Hoàn thành học phần giáo dục quốc phòng – an ninh và giáo dục thể chất.
- Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành ngành Y học cổ truyền theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý.


ThS. Nguyễn Văn Tuấn